BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ NỘI VỤ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ NỘI VỤ

Số: 22/2007/TTLT-BNN-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
hướng dẫn về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kiểm lâm ở địa phương

Thực hiện Nghị định 119/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm (sau đây viết tắt là Nghị định 119/2006/NĐ-CP); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kiểm lâm ở địa phương như sau:

I. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Kiểm lâm

Căn cứ quy định tại Điều 7 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Kiểm lâm phù hợp với tình hình bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản tại địa phương.

Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít rừng và đất chưa sử dụng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp dưới 50.000 (năm mươi ngàn) héc-ta và những Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không thành lập Chi cục Lâm nghiệp, thì giao cho Chi cục Kiểm lâm thực hiện toàn bộ nhiệm vụ quản lý lĩnh vực lâm nghiệp ở địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm

Chi cục Kiểm lâm được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a) Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm có Chi

cục trưởng, các Phó Chi cục trưởng giúp việc.

Căn cứ tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chi cục trưởng, các Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.

Những địa phương có diện tích rừng và đất chưa sử dụng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp trên 50.000 héc-ta hoặc những địa phương không thành lập Chi cục Lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét những đồng chí đang giữ chức Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm có đủ điều kiện thì bổ nhiệm giữ chức Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và làm Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.

b) Bộ máy giúp việc Chi cục trưởng

Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức bộ máy giúp việc, các đơn vị và tổ chức sự nghiệp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm bao gồm tối đa các phòng như sau:

- Phòng Quản lý, bảo vệ rừng;
- Phòng Thanh tra, pháp chế;
- Phòng Bảo tồn thiên nhiên;
- Phòng Tổ chức, xây dựng lực lượng;
- Phòng Hành chính, tổng hợp.

c) Các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng; Hạt kiểm lâm huyện; Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ do địa phương quản lý.

d) Các đơn vị sự nghiệp khác: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Căn cứ tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh cấp trưởng, cấp phó của các phòng, các đơn vị và tổ chức sự nghiệp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

II. HẠT KIỂM LÂM HUYỆN

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt Kiểm lâm huyện

a) Căn cứ quy định tại Điều 9 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt Kiểm lâm huyện phù hợp với tình hình địa phương;

b) Hạt Kiểm lâm huyện tham mưu,

giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc chuyển giao nhiệm vụ tham mưu về lâm nghiệp từ cơ quan chuyên môn của huyện cho Hạt Kiểm lâm huyện.

2. Thành lập, giải thể Hạt Kiểm lâm huyện

a) Huyện, thị trấn, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh có một trong những tiêu chí dưới đây, được thành lập Hạt Kiểm lâm huyện:

- Có diện tích rừng và đất chưa sử dụng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp 3.000 héc-ta rừng trở lên;

- Có diện tích rừng và đất chưa sử dụng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp dưới 3.000 héc-ta rừng hiện đang có Hạt Kiểm lâm huyện hoặc những địa phương cần thiết phải bảo vệ rừng, quản lý các cơ sở gây nuôi động vật, thực vật rừng, các cơ sở chế biến lâm sản, đầu mối giao lưu lâm sản tập trung.

b) Giải thể những Hạt Kiểm lâm không đủ tiêu chí hướng dẫn tại tiết a trên đây.

Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm bố trí, sắp xếp công chức kiểm lâm của Hạt Kiểm lâm giải thể sang các đơn vị kiểm lâm địa phương, trong đó ưu tiên tăng cường bố trí Kiểm lâm địa bàn xã.

3. Cơ cấu tổ chức của Hạt Kiểm lâm huyện

a) Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện có Hạt trưởng, các Phó hạt trưởng;

b) Bộ máy giúp việc: Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức bộ máy giúp việc Hạt Kiểm lâm huyện gồm tối đa các bộ phận như sau: Quản lý, bảo vệ rừng; Bảo tồn thiên nhiên; Thanh tra, pháp chế; Tổ Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng; Hành chính, tổng hợp; Trạm Kiểm lâm cửa rừng; Trạm Kiểm lâm địa bàn ở nơi cần thiết;

c) Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện phân công, quản lý công chức kiểm lâm địa bàn xã.

III. HẠT KIỂM LÂM RỪNG ĐẶC DỤNG, HẠT KIỂM LÂM RỪNG PHÒNG HỘ THUỘC ĐỊA PHƯƠNG

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ

Căn cứ quy định tại Điều 9 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ phù hợp với tình hình địa phương.

2. Thành lập, giải thể Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ

Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, giải thể Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ.

3. Cơ cấu tổ chức của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ

a) Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ có Hạt trưởng, các Phó hạt trưởng;

b) Bộ máy giúp việc: Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức bộ máy giúp việc Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ gồm tối đa các bộ phận như sau: Quản lý, bảo vệ rừng; Bảo tồn thiên nhiên; Thanh tra, pháp chế; Tổ Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng; Hành chính, tổng hợp; Trạm Kiểm lâm cửa rừng;

c) Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ phân công và quản lý công chức kiểm lâm địa bàn xã.

IV. BIÊN CHẾ CỦA CƠ QUAN KIỂM LÂM CÁC CẤP

1. Cán bộ, công chức làm việc ở các phòng, đội kiểm lâm thuộc Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm huyện, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ thuộc biên chế hành chính nhà nước.

2. Cán bộ, viên chức làm việc ở các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm thuộc biên chế sự nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định biên chế của cơ quan kiểm lâm các cấp trong tổng biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp của địa phương được giao theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm phân bổ biên chế cho Hạt Kiểm lâm huyện, Hạt kiểm lâm rừng đặc rụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý trong tổng mức biên chế của lực lượng Kiểm lâm của địa phương được Nhà nước giao.

V. QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG KIỂM LÂM

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và điều hành lực lượng kiểm lâm toàn quốc theo quy định tại Điều 20 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP và những nhiệm vụ, thẩm quyền sau:

a) Quản lý tổ chức, chỉ đạo thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra hoạt động của lực lượng Kiểm lâm toàn quốc;

b) Quy định chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và phân bổ biên chế cho Cục

Kiểm lâm và các đơn vị trực thuộc Cục Kiểm lâm; hướng dẫn các địa phương xác định biên chế kiểm lâm địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý, chỉ đạo, điều hành các đơn vị kiểm lâm cùng cấp quy định tại Điều 21 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP. Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ và thẩm quyền sau:

a) Quy định chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, phân bổ biên chế cho các đơn vị Kiểm lâm địa phương;

b) Chỉ đạo hoạt động xử lý vi phạm hành chính; khởi tố, điều tra hình sự của lực lượng kiểm lâm địa phương; quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt quá thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo sự phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn;

d) Bảo đảm kinh phí hoạt động, trang cấp trang thiết bị, phương tiện chuyên ngành cho lực lượng Kiểm lâm địa phương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quy định tại Điều 22 của Nghị định 119/2006/NĐ-CP và các nhiệm vụ và thẩm quyền sau:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh quản lý, chỉ đạo hoạt động của Kiểm lâm địa phương theo quy định của Nghị định 119/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Tổ chức việc phối hợp hoạt động của lực lượng Kiểm lâm với các cơ quan nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn;

c) Phân công, phân cấp việc quản lý kế hoạch, tài chính, tổ chức, phương tiện, trang thiết bị chuyên ngành giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Chi cục Kiểm lâm rõ ràng tạo điều kiện để Chi cục Kiểm lâm thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ công tác theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo xây dựng lực lượng kiểm lâm địa phương trong sạch, vững mạnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chuyển giao quản lý đối với Chi cục Kiểm lâm

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chuyển giao quản lý Chi cục Kiểm lâm đang trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xong trước 30/6/2007.

Việc chuyển giao thực hiện theo nguyên tắc chuyển nguyên trạng về tổ chức, biên chế, tài sản, trang thiết bị, phương tiện, trụ sở làm việc, nhiệm vụ kế hoạch, tài chính của Chi cục Kiểm lâm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ để nghiên cứu giải quyết.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ./.

BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cao Đức Phát